

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/12/2021
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thế Nam**

2/ Ông **Đinh Văn Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Trục** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 3, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị T, anh T tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 14/9/2015. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân do anh T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo vợ con. Vợ chồng

thường xuyên cãi vã, không dung hòa được cuộc sống. Chị T hiện đã về sống tại huyện T, tỉnh Bình Thuận từ tháng 12/2020 cho đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Mỹ U, sinh ngày 06/01/2016. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: anh T xác nhận lời trình bày của chị T về thời điểm kết hôn như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T yêu cầu anh T cùng về chung sống bên nhà vợ nhưng anh T không đồng ý dẫn đến chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay chị T xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Mỹ U, sinh ngày: 06/01/2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Thanh T. Về con chung: đề nghị giao cháu Trần Mỹ U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Mỹ T khởi kiện ly hôn với anh Trần Thanh T, anh T có địa chỉ cư trú tại tổ 8, ấp 2, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: chị Trần Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Thanh T vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị T, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, do các bên không khéo dàn xếp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị hiện sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, tại phiên xét xử lần thứ nhất và ngày hôm nay, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với chị T. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét cháu Trần Mỹ U, sinh ngày: 06/01/2016 hiện đang sống với anh T. Chị T, anh T đều thống nhất giao cháu U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T. Cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Trần Mỹ U, sinh ngày: 06/01/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Trần Thị Mỹ T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008636 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND xã H
- (Số 68_14/9/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải